

Bản án số: 167/2017 /HS-PT
Ngày: 28/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Nghĩa Hùng;

Các Thẩm phán: Ông: Lương Văn Hiến

Bà: Trịnh Thị Minh Hương

Thư ký phiên tòa: bà Diệp Thu Trang, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Thái Hưng - Chức vụ Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 150/HSPT ngày 02 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn N có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 85/2017/HS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Trần Văn N: sinh năm 1985, đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm A, xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; văn hóa lớp 9/12; Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông Trần Văn H (đã chết), con bà Nguyễn Thị S sinh năm 1953; gia đình có 5 anh em, bị cáo là con thứ tư. Vợ là Ngô Thị Đ sinh năm 1991 và có 2 con chung, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; hiện nay đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra còn có 3 bị cáo và 3 người bị hại không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung của vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/4/2017, Nguyễn Văn M điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn H đến khu vực phố S, phường B, thị xã P thì phát hiện tại sân trường Trung học phổ thông B có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 20M4- 9414 của

ông Lê Văn T. H đã dùng vạm phá ổ khóa xe mô tô rồi điều khiển ra ngoài tẩu thoát. Sau đó M và H mang xe đến bán cho Trần Văn N với giá 3.500.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, M còn khai trong khoảng tháng 3 và tháng 4/2017 cùng Chu Anh T lấy trộm 5 chiếc xe mô tô bán lấy tiền tiêu sài. Cơ quan điều tra đã tách ra để xử lý sau đối với 3 chiếc xe mô tô do chưa xác định được chủ sở hữu tài sản và chuyển xử lý theo thẩm quyền.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn M cùng Nguyễn Văn H lấy trộm chiếc xe mô tô của ông Lê Văn T; Chu Anh T cùng M lấy trộm chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Văn L và chiếc xe mô tô của chị Lê Thị L, đều bán cho Trần Văn N được truy tố, xét xử trong vụ án này.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 85/2017/HSST ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, quyết định:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999; xử phạt các bị cáo M, T, H từ 3 năm đến 5 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 BLHS, xử phạt: Trần Văn N 24 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017 bị cáo Trần Văn N có đơn kháng cáo với nội dung xin cải tạo địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N khai nhận: Khoảng thời gian tháng 3 và tháng 4 năm 2017, do hám lời nên có mua của M 3 chiếc xe mô tô biết là trộm cắp mà có. Khi Cơ quan điều tra Công an thị xã P phát hiện, N đã thành khẩn khai báo, tích cực chỉ dẫn cán bộ Công an đi thu hồi đủ 3 chiếc xe để trả cho người bị hại. Trong quá trình điều tra, N đã tự nguyện nộp khoản tiền 7.100.000 đồng để khắc phục thiệt hại. Bị cáo khẳng định Bản án sơ thẩm xét xử tội danh “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng, không oan.

Bị cáo N giữ nguyên đơn kháng cáo xin được cải tạo tại địa phương với lý do gia đình khó khăn, phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã phân tích hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với kháng cáo xin cải tạo tại địa phương của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo thành khẩn khai báo, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra đã nộp một khoản tiền 7.100.000 đồng thu lời bất chính; bị cáo có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương; được chính quyền địa phương bảo lãnh, và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp khoản tiền 5.000.000 đồng tiền phạt và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc Cơ quan điều tra, truy tố, xét xử của cấp sơ thẩm đã tiến hành các biện pháp tố tụng và xác lập các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật tố tụng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Văn N có đơn kháng cáo làm trong thời hạn luật định và thủ tục kháng cáo đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhân tội của bị cáo N tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm là thống nhất và phù hợp với lời khai của các bị cáo khác như Nguyễn Văn M, Chu Anh T, Nguyễn Văn H, lời khai của những người bị hại và các nhân chứng trong vụ án. Đồng thời phù hợp với tính chất và loại tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi và trả cho người bị hại. Do đó có đủ căn cứ để xác định: Khoảng tháng 3 và 4/2017 Nguyễn Văn M, Chu Anh T và Nguyễn Văn H đã lấy trộm 3 chiếc xe mô tô của các bị hại Lê Văn T, Nguyễn Văn L và chị Lê Thị L bán cho Trần Văn N với số tiền là 12.000.000 đồng. Mặc dù không hứa hẹn trước, xong N biết rõ những chiếc xe mô tô trên là do các bị cáo khác trộm cắp mà có, do hám lời nên đã tiêu thụ.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo N với nội dung đề nghị được cải tạo tại địa phương. Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi vụ án được phát hiện bản thân đã tự nguyện nộp một khoản tiền 7.100.000 đồng để khắc phục hậu quả; đã tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra để thu hồi đủ tài sản trả cho người bị hại; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, được UBND xã T, thị xã P nhận xét chấp hành chính sách pháp luật ở địa phương tốt và bảo lãnh cho bị cáo cải tạo tại địa phương. Bố của bị cáo là ông Trần Văn H được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo đã nộp khoản tiền phạt 5.000.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Trong vụ án này, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là điểm p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 thì bị cáo N còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ là điểm b, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, và phải chịu 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp

dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo N được hưởng án treo, ấn định một thời gian thử thách cũng đảm bảo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 248; Điểm đ khoản 1 Điều 249 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn N. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7, điểm b, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Trần Văn N 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo N cho UBND xã T, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự .

Ghi nhận bị cáo Trần Văn N đã nộp khoản tiền phạt 5.000.000 (năm triệu) đồng và 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. (Biên lai thu tiền số 0006400 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Thái Nguyên).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Trần Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Ma Nghĩa Hùng